

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Bản án số: 755 /2017/HSPT
Ngày 26 -10- 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Quang

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tiến Phong

Ông Trần Nam Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 759/2017/HSPT ngày 09 tháng 10 năm 2017 với bị cáo Trần Văn H do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 36/2017/HSST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện X, Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Văn H (tức M), sinh năm 1966; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở thôn Đ, xã T, huyện X, Hà Nội; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa 7/10; dân tộc Kinh; tôn giáo không; con ông Trần Văn A và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Nguyễn Thị L và 03 con (con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 1993); tiền án, tiền sự không; bị cáo tại ngoại - có mặt tại phiên tòa;

Người bị hại không kháng cáo: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1950; trú tại thôn Đ, xã T, huyện X, Hà Nội; vắng mặt do không triệu tập.

Ngoài ra trong vụ án còn có 02 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên tòa án không triệu tập:

1. Trần Ngọc H, sinh năm 1977;
2. Trần Văn Th (tức Kh), sinh năm 1976;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện X và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện X thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Văn M là chồng của bà Nguyễn Thị C, bà C là con đẻ duy nhất của cụ Trần Văn HC (trường họ Trần) và cụ Nguyễn Thị D, các cụ đều đã mất nên bà C là người quản lý, sử dụng ngôi nhà 5 gian trên thửa đất số 40, diện tích 261 m², tờ bản đồ số 01 tại thôn Đồng Phố, xã Tân Dân do các cụ để lại. Năm 2012, bà C xây dựng 01 ngôi nhà mới trên thửa đất này thì bị ông Trần Văn Ch và Trần Văn H ngăn cản, bà C đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án và được Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, theo đó buộc ông Trần Văn Ch và Trần Văn H phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sở hữu, chiếm hữu hợp pháp căn nhà trên. Bản án này đã được Chi cục thi hành án dân sự huyện X tổ chức thi hành án ngày 29/10/2015, các đương sự trong đó có Trần Văn H ký biên bản chấp hành quyết định của bản án.

Khoảng 11 giờ ngày 22/02/2016, Trần Văn H mang mâm lễ đến ngôi nhà 5 gian của bà C để cúng giỗ tháng giêng và đặt mâm com dưới hiên. Thấy vậy, ông M nói "ngôi nhà này đã được Tòa án tuyên thuộc quyền sở hữu của bà C, anh đã ký vào biên bản sao còn đến đây quấy nhiễu". Sau đó, giữa ông M và Trần Văn H xảy ra xô xát, mâm com cúng bị đổ ra hiên. Bực tức, Trần Văn H chạy ra sân hô hoán "bà con ơi, thằng M làm đổ mâm com cúng của tôi" và gọi cho con cháu họ Trần. Một lúc sau, rất đông người của họ Trần đến, trong đó có Trần Ngọc H1, Trần Văn Th, Trần Văn L, Trần Văn G....thấy thế, một số người hàng xóm đưa ông M ra ngõ thì bị H1 túm cổ áo ông M rồi cùng một số trai đinh họ Trần kéo ông M vào sân, Trần Văn H hô "trời thằng M lại" thì H1 và một số người họ Trần lôi kéo, giữ, đẩy ông M dựa vào cột hiên nhà 5 gian để Trần Văn Th và một số người trói. Ông M bị trói bằng 01 dây thừng ngang người, 01 dây dứa phía dưới

hai chân vòng qua cột hiên nhà. Khi bà C và anh T (con ông M) về thấy ông M bị trói, anh T hỏi thì H1, Th nói "tao trói mày làm gì". Sau đó chính quyền địa phương cùng lực lượng Công an đến giải quyết vụ việc, lập biên bản và cởi trói cho ông M.

Ông M đi khám và điều trị tại bệnh viện huyện X, Hà Nội, theo kết luận giám định số 1665, ngày 28/4/2016 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận mức độ tổn thương của ông M tại thời điểm giám định là 0%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2017/HSST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện X, Hà Nội đã xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H, Trần Ngọc H1, Trần Văn Th (tức Kh) phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật.”

Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 50; Điều 33 Bộ luật Hình sự :

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 08 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/9/2017, bị cáo Trần Văn H có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại; Biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn H về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá

đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 08 tháng tù là phù hợp nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội do nhận thức pháp luật hạn chế, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo và gia đình người bị hại đều trong cùng dòng họ; bị cáo có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng không gây nguy hại gì cho xã hội và cũng tạo điều kiện để hàn gắn quan hệ họ hàng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo, phù hợp với lời khai của người bị hại, của người làm chứng; Biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 22/02/2016, Trần Văn H mang mâm cơm lễ đến nhà của gia đình bà Trần Thị C để cúng tổ tiên họ Trần thì xảy ra xô xát với ông Nguyễn Văn M là chồng bà C, làm mâm cơm bị đổ. Trần Văn H đã hô hoán con cháu họ Trần bắt, giữ ông M. Sau đó, các bị cáo Trần Ngọc H1, Trần Văn Th cùng một số người khác đã lôi kéo, dùng dây chổi ông M vào cột hiên nhà. Sự việc chấm dứt khi chính quyền địa phương cùng lực lượng Công an đến giải quyết vụ việc, cởi trói cho ông Nguyễn Văn M. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn H và các bị

cáo khác về tội "Bất giữ người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm quyền bất khả xâm hại về thân thể, tự do, danh dự, nhân phẩm của người khác mà còn gây mất trật tự trị an và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức án 08 tháng tù là phù hợp. Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thấy: Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ việc người bị hại không cho bị cáo vào nhà thắp hương cúng lễ tổ tiên nhân ngày rằm tháng Giêng, hai bên xô đẩy làm mâm cỗ để cúng lễ tổ tiên của bị cáo mang đến bị đổ ra hiên nhà, phần nào đã tác động đến tinh thần dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội do nhận thức pháp luật hạn chế; tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo và gia đình người bị hại đều trong cùng dòng họ; bị cáo có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng. Căn cứ vào nguyên nhân, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung; việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây nguy hại gì cho xã hội. Ngoài ra, việc cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng là tạo điều kiện để hàn gắn quan hệ họ hàng giữa bị cáo và gia đình người bị hại. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên theo qui định của pháp luật, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm đ khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm, xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 60 Bộ luật Hình sự :

Xử phạt bị cáo Trần Văn H (tức Mười) 08 tháng tù về tội "Bắt giữ người trái pháp luật" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn H (tức M) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 26/10/2017.

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa